

Số: 72/TB-HĐXTVC

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 02 năm 2025

## THÔNG BÁO

Thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc  
tại Bệnh viện Gang Thép năm 2024

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ, ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 07/01/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 1997/KH-BVGT ngày 02/12/2024 của Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên về tuyển dụng viên chức năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-BVGT ngày 05/12/2024 của Bệnh viện Gang Thép về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Gang Thép năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 42/QĐ-BVGT ngày 03/02/2025 của Bệnh viện Gang Thép về việc công nhận kết quả kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Gang Thép năm 2024.

Hội đồng xét tuyển viên chức Bệnh viện Gang Thép năm 2024 thông báo danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức năm 2024 như sau:

(Có danh sách kèm theo)

### 2. Yêu cầu đối với thí sinh trúng tuyển

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định.

#### Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

+ Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

+ Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

\* **Lưu ý:** Khi đến hoàn thiện hồ sơ, thí sinh mang theo bản gốc các văn bằng, chứng chỉ nêu trên để thực hiện đối chiếu.



Trường hợp thí sinh đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, được bố trí làm việc theo đúng ngành, nghề đào tạo, đúng chuyên môn nghiệp vụ tại vị trí việc làm tuyển dụng thì yêu cầu người trúng tuyển nộp bản sao Sổ bảo hiểm xã hội, Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động và bản sao quyết định lương gần nhất hoặc HĐLĐ khi được bố trí làm việc đúng chuyên ngành đào tạo và theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí trúng tuyển (nếu có).

Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Bệnh viện Gang Thép sẽ hủy kết quả trúng tuyển theo quy định; thực hiện thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

**3. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ trúng tuyển:**

**3.1. Thời gian:** Từ ngày 03/02/2025 đến hết ngày 28/02/2025 (Trong giờ hành chính).

**3.2. Địa điểm:** Hồ sơ nộp tại Phòng Tổ chức Hành chính, Bệnh viện Gang Thép Thái Nguyên. Địa chỉ: Tổ 15, phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, điện thoại liên hệ: 0208.3832 255.

Vậy Hội đồng xét tuyển viên chức Bệnh viện Gang Thép thông báo để thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức được biết và thực hiện. /.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc;
- Thí sinh trúng tuyển;
- Phòng QLCLBV (để đăng tin);
- Lưu: VT, HĐTDVC.

**TM. HỘI ĐỒNG XTVC  
CHỦ TỊCH**



**GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Hữu Trung**



BỆNH VIỆN GANG THÉP  
HỘI ĐỒNG XTVC NĂM 2024



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN  
KỲ XÉT TUYỂN VIỆN CHỨC VÀO LÀM VIỆC TẠI BỆNH VIỆN GANG THÉP NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số 72/TB-HĐXTVC ngày 03/02/2025 của Bệnh viện Gang Thép v/v thông báo danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại Bệnh viện Gang Thép năm 2024)

| STT | Họ và tên                                    | Ngày tháng năm sinh |            | Dân tộc | Địa chỉ                                       | Trình độ chuyên môn | Điểm                      |              |           | Đối tượng ưu tiên      |
|-----|----------------------------------------------|---------------------|------------|---------|-----------------------------------------------|---------------------|---------------------------|--------------|-----------|------------------------|
|     |                                              | Nam                 | Nữ         |         |                                               |                     | Điểm phỏng vấn/ thực hành | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |                        |
| I   | Bác sĩ hạng III chuyên ngành đa khoa/ y khoa |                     |            |         |                                               |                     |                           |              |           |                        |
| 1   | Hoàng Ngọc Ánh                               |                     | 07/09/1998 | Nùng    | xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên   | Bác sỹ Y khoa       | 84.0                      | 5.0          | 89.0      | Người dân tộc thiểu số |
| 2   | Ma Thị Ánh                                   |                     | 01/12/2000 | Tày     | xã Phúc Lương, Huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên | Bác sỹ Y khoa       | 66.0                      | 5.0          | 71.0      | Người dân tộc thiểu số |
| 3   | Dương Xuân Ba                                | 05/02/1998          |            | Kinh    | xã Tân Quang, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên  | Bác sỹ Y khoa       | 85.0                      |              | 85.0      |                        |
| 4   | Đặng Thị Chuyên                              |                     | 20/11/1995 | Sán diu | xã Linh Sơn, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | Bác sỹ Y khoa       | 82.5                      | 5.0          | 87.5      | Người dân tộc thiểu số |
| 5   | Hoàng Thị Diệp                               |                     | 11/01/1995 | Nùng    | xã Mai Pha, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn        | Bác sỹ Y khoa       | 88.5                      | 5.0          | 93.5      | Người dân tộc thiểu số |

| STT | Họ và tên              | Ngày tháng năm sinh |            | Dân tộc | Địa chỉ                                                    | Trình độ chuyên môn | Điểm                         |              |           | Đối tượng ưu tiên      |
|-----|------------------------|---------------------|------------|---------|------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------|--------------|-----------|------------------------|
|     |                        | Nam                 | Nữ         |         |                                                            |                     | Điểm phỏng vấn/<br>thực hành | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |                        |
| 6   | Nguyễn Thị Hương Giang |                     | 26/06/1996 | Kinh    | Phường Gia Sàng,<br>TP Thái Nguyên,<br>tỉnh Thái Nguyên    | Bác sỹ<br>Y khoa    | 84.5                         |              | 84.5      |                        |
| 7   | Hoàng Thị Thu Hà       |                     | 03/04/1998 | Tày     | Xã Bình Yên,<br>Huyện Định Hóa,<br>tỉnh Thái Nguyên        | Bác sỹ<br>Y khoa    | 84.0                         | 5.0          | 89.0      | Người dân tộc thiểu số |
| 8   | Nguyễn Hữu Hai         | 01/9/2000           |            | Kinh    | xã Nhã Lộng,<br>Huyện Phú Bình,<br>tỉnh Thái Nguyên        | Bác sỹ<br>Y khoa    | 66.5                         |              | 66.5      |                        |
| 9   | Vũ Hồng Hạnh           |                     | 13/02/1994 | Nùng    | Xã Hòa Bình,<br>Huyện Đồng Hỷ,<br>tỉnh Thái Nguyên         | Bác sỹ<br>Y khoa    | 82.5                         | 5.0          | 87.5      | Người dân tộc thiểu số |
| 10  | Đặng Thị Hào           |                     | 15/9/1999  | Sán Diu | Thị trấn Quân Chu,<br>huyện Đại Từ,<br>tỉnh Thái Nguyên    | Bác sỹ<br>Y khoa    | 69.0                         | 5.0          | 74.0      | Người dân tộc thiểu số |
| 11  | Nguyễn Thị Hậu         |                     | 29/09/1997 | Tày     | Xã Kim Phụng,<br>Huyện Định Hóa,<br>tỉnh Thái Nguyên       | Bác sỹ<br>Y khoa    | 80.0                         | 5.0          | 85.0      | Người dân tộc thiểu số |
| 12  | Lương Minh Hiệp        |                     | 01/11/1997 | Tày     | Xã Phú Đình,<br>Huyện Định Hóa,<br>tỉnh Thái Nguyên        | Bác sỹ<br>Y khoa    | 82.5                         | 5.0          | 87.5      | Người dân tộc thiểu số |
| 13  | Bàng Lê Mạnh Hoàng     | 16/12/2000          |            | Kinh    | Phường Trung Thành,<br>TP Thái Nguyên,<br>tỉnh Thái Nguyên | Bác sỹ<br>Y khoa    | 83.5                         |              | 83.5      |                        |
| 14  | Phạm Huy Hoàng         | 21/8/2000           |            | Kinh    | phường Đắc Sơn,<br>TP Phổ Yên,<br>tỉnh Thái Nguyên         | Bác sỹ<br>Y khoa    | 56.0                         |              | 56.0      |                        |

| STT | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh |            | Dân tộc | Địa chỉ                                                  | Trình độ chuyên môn | Điểm                         |              |           | Đối tượng ưu tiên      |
|-----|----------------------|---------------------|------------|---------|----------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------|--------------|-----------|------------------------|
|     |                      | Nam                 | Nữ         |         |                                                          |                     | Điểm phỏng vấn/<br>thực hành | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |                        |
| 15  | Lương Thị Thu Hồng   |                     | 22/09/2000 | Nùng    | Xã Phúc Chu,<br>Huyện Định Hóa,<br>tỉnh Thái Nguyên      | Bác sỹ<br>Y khoa    | 80.5                         | 5.0          | 85.5      | Người dân tộc thiểu số |
| 16  | Bùi Văn Hùng         | 22/06/1998          |            | Kinh    | Xã Ngọc Vân,<br>Huyện Tân Yên,<br>tỉnh Bắc Giang         | Bác sỹ<br>Y khoa    | 84.5                         |              | 84.5      |                        |
| 17  | Nguyễn Văn Huy       | 17/11/1996          |            | Kinh    | Xã Thành Hưng,<br>Huyện Thạch Thành,<br>tỉnh Thanh Hóa   | Bác sỹ<br>Y khoa    | 83.0                         |              | 83.0      |                        |
| 18  | Phạm Thị Thu Hường   |                     | 28/8/1998  | Kinh    | Phường Cam Giá,<br>TP Thái Nguyên,<br>tỉnh Thái Nguyên   | Bác sỹ<br>Y khoa    | 83.5                         |              | 83.5      |                        |
| 19  | Nguyễn Thị Lan       |                     | 12/05/1999 | Kinh    | Xã Hương Lâm,<br>Huyện Hiệp Hòa,<br>tỉnh Bắc Giang       | Bác sỹ<br>Y khoa    | 71.5                         |              | 71.5      |                        |
| 20  | Dương Thị Trang Linh |                     | 14/03/1998 | Kinh    | Xã Úc Kỳ,<br>Huyện Phú Bình,<br>tỉnh Thái Nguyên         | Bác sỹ<br>Y khoa    | 80.5                         |              | 80.5      |                        |
| 21  | Mông Thị Linh        |                     | 01/10/1997 | Nùng    | Xã Tân Thành,<br>Huyện Phú Bình,<br>tỉnh Thái Nguyên     | Bác sỹ<br>đa khoa   | 80.0                         | 5.0          | 85.0      | Người dân tộc thiểu số |
| 22  | Vũ Hải Long          | 24/03/1998          |            | Kinh    | Phường Tân Thành,<br>TP Thái Nguyên,<br>tỉnh Thái Nguyên | Bác sỹ<br>Y khoa    | 77.0                         |              | 77.0      |                        |
| 23  | Nguyễn Quang Minh    | 01/03/1995          |            | Kinh    | Xã Lâu Thượng,<br>Huyện Võ Nhai,<br>tỉnh Thái Nguyên     | Bác sỹ<br>Y khoa    | 75.0                         |              | 75.0      |                        |
| 24  | Dương Thị Hà My      |                     | 21/11/1996 | Tây     | Xã Phú Thượng,<br>Huyện Võ Nhai,<br>tỉnh Thái Nguyên     | Bác sỹ<br>Y khoa    | 90.0                         | 5.0          | 95.0      | Người dân tộc thiểu số |

| STT | Họ và tên         | Ngày tháng năm sinh |            | Dân tộc | Địa chỉ                                                    | Trình độ chuyên môn | Điểm                      |              |           | Đổi tượng ưu tiên      |
|-----|-------------------|---------------------|------------|---------|------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------|--------------|-----------|------------------------|
|     |                   | Nam                 | Nữ         |         |                                                            |                     | Điểm phỏng vấn/ thực hành | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |                        |
| 25  | La Thuý Ninh      |                     | 16/03/1997 | Nùng    | Xã Phục Linh,<br>Huyện Đại Từ,<br>tỉnh Thái Nguyên         | Bác sỹ<br>Y khoa    | 84.5                      | 5.0          | 89.5      | Người dân tộc thiểu số |
| 26  | Hoàng Kim Ngân    | 19/05/1993          |            | Tày     | phường Thịnh Đán,<br>TP Thái Nguyên,<br>tỉnh Thái Nguyên   | Bác sỹ<br>Y khoa    | 82.5                      | 5.0          | 87.5      | Người dân tộc thiểu số |
| 27  | Lê Bình Nguyên    | 26/03/1997          |            | Kinh    | phường Tân Lập,<br>TP Thái Nguyên,<br>tỉnh Thái Nguyên     | Bác sỹ<br>Y khoa    | 89.0                      |              | 89.0      |                        |
| 28  | Lý Thị Oanh       |                     | 20/10/1998 | Sán Dìu | Xã Huống Thượng,<br>TP Thái Nguyên,<br>tỉnh Thái Nguyên    | Bác sỹ<br>Y khoa    | 83.0                      | 5.0          | 88.0      | Người dân tộc thiểu số |
| 29  | Trần Dương Quang  | 19/6/1998           |            | Tày     | xã Hà Thượng,<br>Huyện Đại Từ,<br>tỉnh Thái Nguyên         | Bác sỹ<br>Y khoa    | 83.0                      | 5.0          | 88.0      | Người dân tộc thiểu số |
| 30  | Hoàng Văn Quân    | 16/10/1994          |            | Nùng    | Xã Thịnh Đức,<br>TP Thái Nguyên,<br>tỉnh Thái Nguyên       | Bác sỹ<br>Y khoa    | 89.3                      | 5.0          | 94.3      | Người dân tộc thiểu số |
| 31  | Lê Thị Trúc Quỳnh |                     | 04/01/1995 | Kinh    | Xã Yên Lãng,<br>Huyện Đại Từ,<br>tỉnh Thái Nguyên          | Bác sỹ<br>Y khoa    | 80.5                      |              | 80.5      |                        |
| 32  | Trần Thị Tinh     |                     | 24/04/1997 | Sán dìu | Phường Trung Thành,<br>TP Thái Nguyên,<br>tỉnh Thái Nguyên | Bác sỹ<br>Y khoa    | 77.0                      | 5.0          | 82.0      | Người dân tộc thiểu số |
| 33  | Đặng Thái Tinh    | 10/03/2000          |            | Sán Dìu | Xã Linh Sơn,<br>TP Thái Nguyên,<br>tỉnh Thái Nguyên        | Bác sỹ<br>Y khoa    | 78.5                      | 5.0          | 83.5      | Người dân tộc thiểu số |

| STT | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh |            | Dân tộc | Địa chỉ                                               | Trình độ chuyên môn | Điểm                         |              |           | Đối tượng ưu tiên      |
|-----|-----------------------|---------------------|------------|---------|-------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------|--------------|-----------|------------------------|
|     |                       | Nam                 | Nữ         |         |                                                       |                     | Điểm phỏng vấn/<br>thực hành | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |                        |
| 34  | Luu Quang Thế         | 20/01/1997          |            | Kinh    | Xã Đồng Tân,<br>Huyện Hiệp Hòa,<br>tỉnh Bắc Giang     | Bác sỹ<br>Y khoa    | 80.5                         |              | 80.5      |                        |
| 35  | Lê Đức Thọ            | 10/10/1992          |            | Kinh    | xã Nghĩa Hưng,<br>huyện Vĩnh Tường,<br>tỉnh Vĩnh Phúc | Thạc sỹ y học       | 80.0                         |              | 80.0      |                        |
| 36  | Trần Thị Thanh Thùy   |                     | 03/02/1999 | Kinh    | Phường Tân Phú,<br>TP Phố Yên,<br>tỉnh Thái Nguyên    | Bác sỹ<br>Y khoa    | 80.5                         |              | 80.5      |                        |
| 37  | Triệu Thị Kiều Thuyên |                     | 04/06/1996 | Nùng    | Xã Phan Thanh,<br>Huyện Lục Yên,<br>tỉnh Yên Bái      | Bác sỹ<br>Y khoa    | 82.0                         | 5.0          | 87.0      | Người dân tộc thiểu số |
| 38  | Dương Thị Thư         |                     | 30/03/1997 | Sán chỉ | Xã Phúc Chu,<br>Huyện Định Hóa,<br>tỉnh Thái Nguyên   | Bác sỹ<br>Y khoa    | 78.5                         | 5.0          | 83.5      | Người dân tộc thiểu số |
| 39  | Nguyễn Quỳnh Thư      |                     | 24/11/1999 | Tày     | xã Kim Hỷ,<br>huyện Na Rỳ,<br>tỉnh Bắc Kạn            | Bác sỹ<br>Y khoa    | 65.5                         | 5.0          | 70.5      | Người dân tộc thiểu số |
| 40  | Nguyễn Văn Trường     | 06/11/1999          |            | Kinh    | Xã Dương Đức,<br>Huyện Lạng Giang,<br>tỉnh Bắc Giang  | Bác sỹ<br>Y khoa    | 80.6                         |              | 80.6      |                        |
| 41  | Lăng Hoàng Việt       | 23/05/1994          |            | Nùng    | Xã Bản Ngoại,<br>Huyện Đại Từ,<br>tỉnh Thái Nguyên    | Bác sỹ<br>Y khoa    | 81.0                         | 5.0          | 86.0      | Người dân tộc thiểu số |

| STT | Họ và tên                                    | Ngày tháng năm sinh |            | Dân tộc | Địa chỉ                                              | Trình độ chuyên môn    | Điểm                      |              |           | Đối tượng ưu tiên      |
|-----|----------------------------------------------|---------------------|------------|---------|------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------|--------------|-----------|------------------------|
|     |                                              | Nam                 | Nữ         |         |                                                      |                        | Điểm phỏng vấn/ thực hành | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |                        |
| II  | Bác sĩ hạng III chuyên ngành Y học cổ truyền |                     |            |         |                                                      |                        |                           |              |           |                        |
| 1   | Lê Thị Hằng                                  |                     | 13/10/2000 | Kinh    | xã Tân Khánh, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên       | Bác sĩ Y học cổ truyền | 86.5                      |              | 86.5      |                        |
| 2   | Phạm Thanh Huyền                             |                     | 14/9/1990  | Kinh    | xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội                | Bác sĩ Y học cổ truyền | 80.0                      |              | 80.0      |                        |
| 3   | Nguyễn Thanh Thủy                            |                     | 13/03/1995 | Kinh    | Phường Thắng Lợi, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên     | Bác sĩ Y học cổ truyền | 84.0                      |              | 84.0      |                        |
| 4   | Nguyễn Thị Yến                               |                     | 16/02/1995 | Kinh    | Thị trấn Hương Sơn, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên | Bác sĩ Y học cổ truyền | 85.0                      |              | 85.0      |                        |
| III | Bác sĩ hạng III chuyên ngành Răng Hàm Mặt    |                     |            |         |                                                      |                        |                           |              |           |                        |
| 1   | Phan Thành Luân                              | 04/08/1995          |            | Nùng    | Xã La Hiên, Huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên          | Bác sĩ Răng Hàm Mặt    | 86.5                      | 5.0          | 91.5      | Người dân tộc thiểu số |

| STT | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh |            | Dân tộc | Địa chỉ                                                    | Trình độ chuyên môn   | Điểm                      |              |           | Đối tượng ưu tiên |
|-----|----------------------|---------------------|------------|---------|------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------|--------------|-----------|-------------------|
|     |                      | Nam                 | Nữ         |         |                                                            |                       | Điểm phỏng vấn/ thực hành | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |                   |
| IV  | Điều dưỡng hạng III  |                     |            |         |                                                            |                       |                           |              |           |                   |
| 1   | Dương Thị Thanh Chúc |                     | 03/4/2002  | Kinh    | xã Diêm Thụy.<br>Huyện Phú Bình.<br>tỉnh Thái Nguyên       | Cử nhân<br>Điều dưỡng | 73.0                      |              | 73.0      |                   |
| 2   | Nguyễn Thị Hà        |                     | 24/10/2001 | Kinh    | xã Thượng Đình.<br>Huyện Phú Bình.<br>tỉnh Thái Nguyên     | Cử nhân<br>Điều dưỡng | 71.0                      |              | 71.0      |                   |
| 3   | Nguyễn Thanh Hiền    |                     | 04/02/1996 | Kinh    | Phường Trung Thành.<br>TP Thái Nguyên.<br>tỉnh Thái Nguyên | Cử nhân<br>Điều dưỡng | 73.0                      |              | 73.0      |                   |
| 4   | Nguyễn Thị Hồng Toàn |                     | 10/5/1997  | Kinh    | xã Hà Châu.<br>Huyện Phú Bình.<br>tỉnh Thái Nguyên         | Cử nhân<br>Điều dưỡng | 66.0                      |              | 66.0      |                   |
| V   | Dược sỹ hạng III     |                     |            |         |                                                            |                       |                           |              |           |                   |
| 1   | Trần Thị Yến Phượng  |                     | 20/4/1997  | Kinh    | phường Phú Xá.<br>TP Thái Nguyên.<br>tỉnh Thái Nguyên      | Dược sỹ đại học       | 84.5                      |              | 84.5      |                   |
| 2   | Trần Thị Hà Trang    |                     | 07/7/2001  | Kinh    | phường Đắc Sơn.<br>TP Phổ Yên.<br>tỉnh Thái Nguyên         | Dược sỹ đại học       | 91.0                      |              | 91.0      |                   |

| STT  | Họ và tên               | Ngày tháng năm sinh |            | Dân tộc | Địa chỉ                                                  | Trình độ chuyên môn               | Điểm                      |              |           | Đối tượng ưu tiên |
|------|-------------------------|---------------------|------------|---------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------|--------------|-----------|-------------------|
|      |                         | Nam                 | Nữ         |         |                                                          |                                   | Điểm phỏng vấn/ thực hành | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |                   |
| VI   | Kỹ thuật Y hạng III     |                     |            |         |                                                          |                                   |                           |              |           |                   |
| 1    | Trần Ngọc Anh           |                     | 10/01/2001 | Kinh    | Phường Hương Sơn, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên       | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm Y học | 91.0                      |              | 91.0      |                   |
| 2    | Đặng Đức Bình           | 13/04/2002          |            | Kinh    | Phường Hoàng Liet, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội      | Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm Y học | 93.0                      |              | 93.0      |                   |
| 3    | Dương Thị Hiền          |                     | 16/6/1994  | Kinh    | phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | Cử nhân Sinh học                  | 94.0                      |              | 94.0      |                   |
| VII  | Kỹ thuật Y hạng IV      |                     |            |         |                                                          |                                   |                           |              |           |                   |
| 1    | Đặng Văn Anh            | 25/5/1989           |            | Kinh    | xã Nga My, Huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên              | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh Y học  | 79.5                      |              | 79.5      |                   |
| VIII | Chuyên viên về tổng hợp |                     |            |         |                                                          |                                   |                           |              |           |                   |
| 1    | Hoàng Thị Huệ Anh       |                     | 17/07/1997 | Kinh    | Phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên        | Bác sỹ Y học dự phòng             | 80.0                      |              | 80.0      |                   |
| 2    | Vũ Hoàng Nhi            |                     | 28/12/2000 | Kinh    | phường Tân Thịnh, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên       | Bác sỹ Y học dự phòng             | 81.5                      |              | 81.5      |                   |
| IX   | Chuyên viên về thống kê |                     |            |         |                                                          |                                   |                           |              |           |                   |
| 1    | Nguyễn Tiến Đức         | 15/10/1991          |            | Kinh    | Phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên        | Cử nhân Kinh tế                   | 70.0                      |              | 70.0      |                   |

| STT | Họ và tên                    | Ngày tháng năm sinh |            | Dân tộc | Địa chỉ                                              | Trình độ chuyên môn         | Điểm                      |              |           | Đối tượng ưu tiên      |
|-----|------------------------------|---------------------|------------|---------|------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|--------------|-----------|------------------------|
|     |                              | Nam                 | Nữ         |         |                                                      |                             | Điểm phỏng vấn/ thực hành | Điểm ưu tiên | Tổng điểm |                        |
| X   | Công nghệ thông tin hạng III |                     |            |         |                                                      |                             |                           |              |           |                        |
| 1   | Đặng Tiến Dũng               | 19/06/1998          |            | Kinh    | Thị trấn Hòa Thượng, Huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên | Kỹ sư An toàn thông tin     | 80.0                      |              | 80.0      |                        |
| 2   | Đặng Thị Hạ                  |                     | 01/02/1983 | Dao     | Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên      | Đại học Công nghệ thông tin | 75.0                      | 5.0          | 80.0      | Người dân tộc thiểu số |
| 3   | Nguyễn Mạnh Thắng            | 02/10/1989          |            | Kinh    | Phường Cam Giá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên     | Cử nhân Toán-tin ứng dụng   | 89.0                      |              | 89.0      |                        |
| XI  | Kế toán hạng III             |                     |            |         |                                                      |                             |                           |              |           |                        |
| 1   | Đoàn Khánh Linh              |                     | 20/11/1993 | Kinh    | Phường Hương Sơn, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên   | Đại học Tài chính-ngân hàng | 82.5                      |              | 82.5      |                        |
| 2   | Vương Thị Thanh Ngân         |                     | 18/8/2002  | Kinh    | phường Chùa Hang, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên   | Đại học Tài chính-ngân hàng | 70.5                      |              | 70.5      |                        |


**GIÁM ĐỐC**  
 Nguyễn Hữu Trung